

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2020
(V/v ly hôn giữa anh D và chị T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cù Văn Minh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Vân**

2. Bà **Hứa Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020 /TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**- Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H (Anh D vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 29/7/2020)

2. *Bị đơn:* Chị **Nông Thị T**- Sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn Chang, xã trung Thành, huyện V, tỉnh H (Chị T vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 27/7/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-05-2020 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Văn D** khai: Anh **Nguyễn Văn D** và chị **Nông Thị T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H vào ngày 14/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn kinh tế bị thua lỗ, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ

chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành giải quyết. Hiện nay anh D và chị T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt. Nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nông Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc M (sinh ngày 01/2/2004). Khi ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chúng tôi không có tranh chấp về tài sản riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, đề ngày 27/7/2020, bị đơn chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T với Anh Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H vào ngày 14/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành giải quyết. Hiện nay chị T và anh D đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh D có đơn xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc M (sinh ngày 01/2/2004). Khi ly hôn chị T có nguyện vọng giao cháu M cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chúng tôi không có tranh chấp về tài sản riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh D, chị T còn trình bày do điều kiện cá nhân anh, chị không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, có hòa giải cũng không đoàn tụ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Văn D về việc xin ly hôn với chị Nông Thị T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do bị đơn chị Nông Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Thẩm phán chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D có mặt để tiếp cận công khai chứng cứ, nhưng giai đoạn xét xử anh xin giải quyết vắng mặt do anh thường xuyên đi làm ăn xa không kịp thời theo giấy triệu tập. Tại phiên tòa vắng mặt cả hai đương sự nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử bình thường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nông Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H vào ngày 14/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2016 vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là làm ăn kinh tế bị thua lỗ, dẫn đến cuộc sống không hòa thuận, luôn bất hòa và xảy ra cãi vã nhau, sự mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành giải quyết. Hiện nay anh D và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *1” Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Tuy nhiên, anh D và chị T sống không quan tâm đến nhau nữa kể từ đó vợ chồng sống ly thân, như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, chị T nhất trí ly hôn với anh D. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị T có một con chung cháu Nguyễn Ngọc M (sinh ngày 01/2/2004). Khi ly hôn anh D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T nhất trí với ý kiến của anh D. Trên cơ sở nguyện vọng của cả hai bên đương sự, quyền lợi mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc M cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi; Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ và quyền của anh D, chị T được thực hiện theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về Tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh D, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản riêng: Vợ chồng anh D, chị T không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Văn D và chị Nông Thị T

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc M (sinh ngày 01/2/2004) cho anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Tổ 7, thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V, tỉnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Kể từ ngày 14/8/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02452 ngày 28/5/2020. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn D và chị Nông Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND TTNT Việt L, huyện V
- THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cù Văn Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hứa Thị Thu

Trần Thị Vân

Cù Văn Minh

